

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẢO LỘC  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 13/2021/DS-ST

Ngày: 27-5-2021

V/v: Tranh chấp quyền  
sử dụng đất.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Tư.

2. Ông Cầm Văn Nam.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2019/TLST- DS ngày 18 tháng 04 năm 2019, về tranh chấp “Quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Hẻm 16 đường H, xóm 2, thôn 5, xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

*2. Bị đơn:* Bà Lê Thị X, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Hẻm 16 đường H, xóm 2, thôn 5, xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*3.1. Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1992;*

Địa chỉ: Hẻm 16 đường H, xóm 2, thôn 5, xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

*3.2. Chị Trần Thị Ngọc Á, sinh năm 2001;*

Địa chỉ: Hẻm 16 đường H, xóm 2, thôn 5, xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

*3.3. Chị Trần Thị O, sinh năm 1998;*

Địa chỉ: Hẻm 16 đường H, xóm 2, thôn 5, xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

3.4. Anh Võ Văn H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Hẻm 16 đường H, xóm 2, thôn 5, xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa bà H có mặt; Bà X và anh H vắng mặt không có lý do; Anh H, chị Á, chị O vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Năm 1999 vợ chồng bà có mua một mảnh đất diện tích 234m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 81, tờ bản đồ 59 tại xóm 2, thôn 5, xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph và bà Ngô Thị Th, mảnh đất có chiều ngang mặt đường đất 11 mét, phía Tây giáp đường đi, phía Nam giáp đất bà Lê Thị X, phía Bắc giáp đất ông Tạ Đình Ch, phía Đông giáp suối với giá chuyển nhượng 7,5 chỉ vàng 24K tương đương số tiền lúc bấy giờ là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Vợ chồng bà đã thanh toán đầy đủ tiền và nhận đất quản lý sử dụng ổn định từ năm 1999 cho đến nay. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên gia đình bà chưa có điều kiện làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Đến năm 2012 chồng bà là ông Trần N (Trần Văn B) chết. Đến năm 2017 gia đình bà làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện diện tích đất của gia đình bà bị bà Lê Thị X lấn chiếm là 3,8m<sup>2</sup> (chiều ngang 0,2 mét, chiều dài 19 mét) thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ 59 tại xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Nay bà yêu cầu bà Lê Thị X trả lại cho bà diện tích đất lấn chiếm nói trên.

*Các lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị X trình bày:*

Vào năm 1990 bà và con trai là anh Võ Văn H vào sinh sống tại xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng và có khai hoang diện tích đất 312m<sup>2</sup>. Đến năm 1999 gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 372368 đối với diện tích đất 312m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 85, tờ bản đồ K.204.III đứng tên hộ bà Lê Thị X. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chỉ có bà và con trai là anh Võ Văn H, sinh năm 1984 đang sinh sống trên đất, tuy nhiên diện tích đất 312m<sup>2</sup> là của riêng bà, do bà tự khai hoang không liên quan gì đến anh H.

Đến năm 2005 thì bà đã xây móng nhà bằng đá xanh, đến năm 2008 thì bà xây nhà ở. Thời điểm xây nhà ở thì ranh giới giữa nhà bà và nhà bà H có một hàng rào rào rào cách móng nhà của bà khoảng 40cm. Tuy nhiên, đến năm 2015 khi bà về quê thì bà H đã tự ý đào bỏ hàng rào rào rào tạo thành mương nước như hiện nay. Đến cuối năm 2017 thì bà H có làm đơn yêu cầu UBND xã Đ hòa giải tranh chấp đất nhưng không thành.

Hiện nay ranh giới giữa nhà bà và nhà bà H là mương nước cách móng nhà bằng đá xanh của nhà bà là 40cm. Nay bà H yêu cầu bà trả lại diện tích đất lấn chiếm là 3,8m<sup>2</sup> (chiều ngang 0,2 mét, chiều dài 19,4 mét) thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ 59 tại xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng thì bà không đồng ý, bởi vì

đất của bà còn cách móng nhà của bà như hiện nay 40cm.

*Các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Nh trình bày:*

Vào năm 1999 bố mẹ chị là ông Trần N và bà Nguyễn Thị H có mua một mảnh đất thổ cư có chiều ngang 11 mét, chiều dài đến giáp suối, diện tích 234m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ 59 tại xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Tại thời điểm bố mẹ chị mua mảnh đất trên thì chị còn nhỏ, sống phụ thuộc vào gia đình. Đến năm 2012 bố chị là ông Trần N chết, năm 2017 mẹ chị là bà H làm nhà ở trên diện tích đất này. Về khối tài sản là diện tích đất đang tranh chấp trên đất có căn nhà xây thì chị không có đóng góp công sức gì vì khi bố mẹ chị mua đất chị còn nhỏ, sau đó đi học và lập gia đình. Nay việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa mẹ chị với bà X thì chị không có ý kiến và yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị O trình bày:*

Vào năm 1999 bố mẹ chị là ông Trần N và bà Nguyễn Thị H có mua một mảnh đất thổ cư có chiều ngang 11 mét, chiều dài đến giáp suối, diện tích 234m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ 59 tại xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Tại thời điểm bố mẹ chị mua mảnh đất trên thì chị còn nhỏ. Đến năm 2012 bố chị là ông Trần N chết, năm 2017 mẹ chị là bà H làm nhà ở trên diện tích đất này. Về khối tài sản là diện tích đất đang tranh chấp trên đất có căn nhà xây thì chị không có đóng góp công sức gì vì khi bố mẹ chị mua đất chị còn nhỏ, sau đó đi học và lập gia đình. Nay việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa mẹ chị với bà X thì chị không có ý kiến và yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Ngọc Á trình bày:*

Vào năm 1999 bố mẹ chị là ông Trần N và bà Nguyễn Thị H có mua một mảnh đất thổ cư có chiều ngang 11 mét, chiều dài đến giáp suối, diện tích 234m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ 59 tại xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2012 bố chị là ông Trần N chết, năm 2017 mẹ chị là bà H làm nhà ở trên diện tích đất này. Về khối tài sản là diện tích đất đang tranh chấp trên đất có căn nhà xây thì chị không có đóng góp công sức gì. Nay việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa mẹ chị với bà X thì chị không có ý kiến hay yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị X, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn H, chị Trần Thị Nh, chị Trần Thị O, chị Trần Thị Ngọc Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa:

Bà H trình bày phần diện tích đất bà X lấn chiếm của gia đình bà có chiều

ngang mặt đường là 0,2 mét, chiều dài 19,4 mét. Diện tích tranh chấp là 3,8m<sup>2</sup> chứ không phải 3,5m<sup>2</sup> như bà ghi trong đơn khởi kiện (do bà viết nhầm). Nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà X trả lại cho bà 3,8m<sup>2</sup> đã lấn chiếm. Bà H khẳng định thửa đất số 81 bà đang sử dụng có ranh giới với thửa đất 74 đúng như bản trích đo hiện trạng thửa đất ngày 11/8/2020, giữa hai bên không có tranh chấp gì. Đối với chi phí tố tụng hết 5.718.000đ thì bà đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Lê Thị X phải trả diện tích đất đã lấn chiếm 3,8m<sup>2</sup> cho bà H là có căn cứ chấp nhận nhưng do bà X đã xây phần móng và tường nhà kiên cố trên phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất 81 của bà H, do đó buộc bà X phải trả lại cho bà H giá trị bằng tiền của 3,8m<sup>2</sup> là 1.501.000đ. Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện bị đơn bà Lê Thị X có nơi cư trú tại địa chỉ thôn 5, xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng về việc yêu cầu bà X trả lại cho bà diện tích đất lấn chiếm là 3,8m<sup>2</sup> nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp về quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị X và anh Võ Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Nh, Trần Thị O, Trần Thị Ngọc Á vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Lê Thị X phải trả cho bà 3,8m<sup>2</sup> đất lấn chiếm (chiều ngang 0,2 mét, chiều dài 19,4 mét), Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa cho thấy nguồn gốc của thửa đất 81 là do nguyên đơn sang

nhượng của ông Nguyễn Văn Ph theo giấy mua bán viết tay ngày 17 tháng 12 năm 1999 thể hiện có 11 mét mặt đường nhưng không ghi diện tích bao nhiêu với giá 7,5 chỉ vàng 24k. Quá trình sử dụng đất có tranh chấp với hộ bà Lê Thị X nên nguyên đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/10/2019 và kết quả đo vẽ hiện trạng các thửa đất tranh chấp ngày 11/8/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bảo Lộc (bút lục 112) thấy rằng thửa đất số 81, tờ bản đồ 59 (đất bà H đang sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) qua đo đạc có diện tích thực tế 219m<sup>2</sup> trong đó có phần diện tích đất bị đơn cho rằng nguyên đơn đang lấn chiếm là 7,7m<sup>2</sup>. Qua xem xét đối với thửa đất số 85, tờ bản đồ K 204.III (đất bà X đang sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 312m<sup>2</sup>) qua đo đạc có diện tích thực tế 318m<sup>2</sup> trong đó có 3,8m<sup>2</sup> nguyên đơn cho rằng bị đơn đang lấn chiếm. Như vậy, thửa đất số 85 bị đơn đang sử dụng thực tế có diện tích 318m<sup>2</sup> (diện tích tăng 6m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận được cấp). Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của các bên và đối chiếu ranh giới theo bản đồ địa chính thể hiện thửa đất số 85 bị đơn đang sử dụng đã lấn ranh sang thửa đất số 81 của nguyên đơn (chiều ngang 0,2 mét, chiều dài 19,4 mét) = 3,8m<sup>2</sup> nhưng do bị đơn đã xây phần móng đá và tường kiên cố trên phần diện tích đất tranh chấp (3,8m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa đất số 81 của nguyên đơn nên việc tháo dỡ để trả lại phần diện tích đất lấn chiếm này sẽ làm ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu ngôi nhà bị đơn đang ở. Để đảm bảo cho việc thi hành án và không làm ảnh hưởng đến ngôi nhà bị đơn đang ở, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn diện tích đất lấn chiếm (chiều ngang 0,2 mét, chiều dài 19,4 mét) (3,8m<sup>2</sup>) trị giá bằng tiền là 1.501.000đ (theo biên bản định giá ngày 06/10/2020) là phù hợp.

Xét lời trình bày của bị đơn không đồng ý trả lại diện tích đất lấn chiếm là 3,8m<sup>2</sup> (chiều ngang 0,2 mét, chiều dài 19,4 mét) thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ 59 tại xã Đ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cho nguyên đơn vì bị đơn cho rằng đất của bị đơn tính từ ranh hiện trạng (móng nhà bằng đá xanh) thì nguyên đơn đã lấn sang đất của bị đơn 40cm thấy rằng: Thửa đất số 85, tờ bản đồ K 204.III tại thôn 5, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc hiện nay do bị đơn đang quản lý sử dụng đã được UBND thị xã Bảo Lộc (nay là thành phố Bảo Lộc) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P.372368 ngày 26/7/1999 có diện tích 312m<sup>2</sup> nhưng phần diện tích đất thực tế bị đơn đang sử dụng là 318m<sup>2</sup> (dư so với giấy chứng nhận được cấp 6m<sup>2</sup>). Bị đơn cho rằng nguyên đơn đã lấn sang đất của bị đơn tính từ phần mép móng đá nhà của bị đơn sang thửa đất 81 của nguyên đơn có chiều ngang 40cm, chiều dài 19,4m (diện tích 7,7m<sup>2</sup>) nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và cũng không có yêu cầu khởi kiện đòi phần diện tích đất tranh chấp này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H có đủ căn cứ chấp nhận.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 5.178.000đ, bà H đã nộp đủ. Căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bị đơn là bà Lê Thị X phải thanh toán lại số tiền này cho bà H.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai 2013;

- Áp dụng Điều 166, Điều 175, Điều 579, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Lê Thị X về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

1.1. Buộc bị đơn bà Lê Thị X phải trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H diện tích đất lấn chiếm chiều ngang 0,2 mét, chiều dài 19,4 mét ( $3,8m^2$ ) trị giá bằng tiền là 1.501.000đ (một triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng).

*“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015”.*

1.2. Bà Nguyễn Thị H được sử dụng diện tích đất  $219m^2$  thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ 59 có tứ cận như sau: Mặt phía trước giáp đường bê tông có chiều ngang 10,5 mét; Mặt phía sau giáp suối có chiều ngang 11,9 mét; Mặt giáp thửa đất số 74 có chiều dài là 19,5 mét; Mặt giáp đất nhà bà Lê Thị X (thửa 85) có chiều dài là 19,4 mét (Kèm theo bản trích đo hiện trạng thửa đất ngày 11/8/2020).

1.3. Bà Lê Thị X được sử dụng diện tích đất  $318m^2$  thuộc thửa đất số 85, tờ bản đồ K 204.III (trong đó có một phần diện tích đất  $3,8m^2$  thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ số 59 của bà H) có tứ cận như sau: Mặt phía trước giáp đường bê tông có chiều ngang 18 mét; Mặt phía sau giáp suối có chiều ngang 15,7 mét; Mặt giáp thửa đất số 602 có chiều dài là 18,4 mét; Mặt giáp đất nhà bà Nguyễn Thị H (thửa

81) có chiều dài là 19,4 mét (Kèm theo bản trích đo hiện trạng thửa đất ngày 11/8/2020).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

**2. Về chi phí tố tụng:** Bà Lê Thị X phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 5.178.000đ.

**3. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005357 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

Bà Lê Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

**4. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố Bảo Lộc;
- + T.H.A thành phố Bảo Lộc;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**Nguyễn Thị Hiền**